TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-ST
Ngày: 18-4-2019.
"V/v Tranh chấp đòi lại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Nga.

2. Ông Trần Văn Dá.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1955 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Tân L, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bành Quốc H, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, thị trấn Phú L, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: 1/ Ông Phùng Văn S, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

2/ Bà Lê Thị Mỹ A, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Z, xã Vĩnh T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn ông Phùng Văn S: Bà Lê Thị Mỹ A – vợ ông S, đồng bị đơn trong vụ án (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Z, xã Vĩnh T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/01/2019 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị U và lời khai tại Tòa án của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bành Quốc H trình bày:

Ngày 19/9/2011, vợ chồng ông S, bà A có cố cho bà U diện tích 02 công tầm cấy với số tiền 41.845.000 đồng, việc cầm cố có làm giấy tay, có vợ chồng ông S, bà A ký tên, có ông Lê Hoàng N là Trưởng Ban nhân dân ấp Z, xã Vĩnh T xác nhận. Việc cố đất chỉ xác lập trên giấy tờ, thực tế các bên không giao nhận đất, bà U không biết vị trí đất cố, cùng lúc bà U thỏa thuận cho ông S, bà A thuê lại phần đất cố với giá 600kg lúa/năm/02 công đất và đong lúa mỗi năm 02 lần, nhưng kể từ khi cho thuê đất đến nay bị đơn không đong lúa lần nào và cũng chưa trả lại tiền cho bà U. Đối với số tiền cố đất 41.845.000 đồng thực chất là số tiền vợ chồng bị đơn còn nợ tiền mua phân, thuốc bảo vệ thực vật từ nhiều năm. Do bị đơn hứa trả nợ nhiều lần nhưng không trả, vì vậy bà U yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ 41.845.000 đồng trong thời hạn 01 tháng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2019 và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị Mỹ A, đồng thời là đại diện hợp pháp theo ủy quyền của đồng bị đơn ông Phùng Văn S trình bày:

Bà và ông S thường mua phân, thuốc trừ sâu của bà U nhiều năm nay, không nhớ số lượng cụ thể bao nhiêu, năm 2011 cộng dồn nhiều năm vợ chồng bà còn nợ bà U số tiền mua phân, thuốc 41.845.000 đồng. Để làm tin cho bà U, bà và ông S có làm hợp đồng cố đất cho bà U với diện tích 2 công tầm cấy, tọa lạc ấp Z, xã Vĩnh T với số tiền cố là 41.845.000 đồng, làm giấy tờ cố đất chứ thực tế không có cố và không có giao đất cho bà U, hiện diện tích đất này mẹ chồng bà đã bán lại cho người khác. Cùng với việc làm giấy cố đất, bà U thỏa thuận miệng cho mướn lại 02 công, giá mướn 600kg lúa/02 công/năm. Bà có đong lúa cho bà U khoảng 01 – 02 năm thì mẹ chồng bà lấy lại đất nên không tiếp tục đong lúa. Hiện bà và ông S còn nợ bà U số tiền 41.845.000 đồng như bà U khởi kiện là đúng và đồng ý trả cho bà U số tiền còn nợ 41.845.000 đồng nhưng xin trả dần trong thời hạn 01 năm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét

xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ do bị đơn thừa nhận còn nợ của nguyên đơn bà U số tiền 41.845.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc các bị đơn liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 41.845.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông S, bà A có nơi cư trú tại ấp Z, xã Vĩnh T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Các đương sự đều thừa nhận ngày 19/9/2011 bà U và vợ chồng ông S, bà A có làm giấy viết tay "tờ cố đất", nội dung ông S, bà A có thiếu bà U số tiền mua phân bón tổng cộng 41.845.000 đồng, vì không đủ tiền trả nên cố cho bà U hai công tầm cấy đất ruộng, bà U cho thuê mướn lại làm, mỗi năm đong đủ 600kg lúa khi nào có tiền thì cho chuộc lại đất. Thỏa thuận về mặt giấy tờ nhưng thực tế việc cố đất không diễn ra, bà U cũng không nhận đất canh tác. Tại phiên tòa bị đơn thừa nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn là đúng, thừa nhận và đồng ý trả số tiền còn nợ bà U là 41.845.000 đồng, nhưng xin trả dần trong 01 năm do gia đình khó khăn. Tuy nhiên, nguyên đơn bà U không đồng ý mà yêu cầu trả một lần số tiền còn nợ trong 01 tháng. Đối với bị đơn thừa nhận nợ, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả lại tài sản cho nguyên đơn, nên nguyên đơn bà U yêu cầu vợ chồng ông S, bà A có nghĩa vụ liên đới trả lại tài sản số tiền còn nợ 41.845.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 166 Điều 280 và Điều 288 Bộ luật dân sự 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông S, bà A trả cho nguyên đơn bà U số tiền còn nợ 41.845.000 đồng.

[3] Về thời gian trả nợ bị đơn xin trả dần số tiền còn nợ, nhưng nguyên đơn không đồng ý, xét yêu cầu của bị đơn thuộc thẩm quyền giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí 2.092.250 đồng (41.845.000 đồng x 5% = 2.092.250 đồng) theo quy định của pháp luật.

[5] Từ phân tích trên, xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị đề nghị chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị U đòi bị đơn ông S và bà A trả 41.845.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 166, Điều 280, Điều 288, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1) Buộc bị đơn ông Phùng Văn S và bà Lê Thị Mỹ A liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị U số tiền còn nợ 41.845.000 đồng (bốn mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2) Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phùng Văn S và bà Lê Thị Mỹ A liên đới nộp 2.092.250 đồng (hai triệu không trăm chín mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng).

3) Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị U tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.046.125 đồng (một triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0008055 ngày 14/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

4) Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Nam